

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2017/DSST
Ngày: 24/11/2017
V/v tranh chấp: “Nghĩa vụ thanh
toán từ hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2. Bà Lê Thị Thận;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Lương Xuân Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” thụ lý số: 23/2017/ DSST ngày 01 tháng 3 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐST - DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Đoàn Văn K; Sinh năm 1985 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn 9, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn C; Sinh năm: 1965 (*vắng mặt*)

Bà Lê Thị O; Sinh năm: 1977 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Trần Đức T; sinh năm: 1991 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn 6, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2017 và trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đoàn Văn K trình bày: anh K và vợ chồng Ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị O quen biết nhau do anh K làm công cho ông C bà O. Anh K không có cho vợ chồng ông C bà O vay tiền mà nội dung cụ thể như sau: Vào ngày 27/02/2015 anh K có nhận sang nhượng đất của bà Trần Thị B trú tại ấp 4 xã Đ,

huyện B, tỉnh Bình Phước, diện tích đất khoảng 05 ha tại tiểu khu 174 khoảnh 3 của Ban quản lý rừng phòng hộ B với giá 160.000.000đồng. Anh đã giao đủ tiền, bà Bào đã giao đất cho anh canh tác. Khi sang nhượng hai bên có làm giấy viết tay. Nhưng khi anh canh tác thì có nhiều người phá, do canh tác không ổn định nên đến khoảng tháng 6/2015 (không nhớ ngày tháng cụ thể) thì anh K sang nhượng lại diện tích đất trên cho anh Đoàn Đức T (là em trai bà O) với giá 120.000.000đồng. Khi sang nhượng hai bên có làm giấy viết tay và chỉ lập một bản do anh T giữ. Tại thời điểm sang nhượng đất có anh K, anh T và vợ chồng ông C bà O. Anh T đã trả cho anh K số tiền 20.000.000đồng tại nhà T, sau đó anh T đưa thêm 10.000.000đồng nhưng việc giao nhận tiền không làm giấy tờ. Anh T còn nợ lại là 90.000.000đồng nhưng anh K không đồng ý vì anh T không có tài sản để thanh toán nên vợ chồng ông Đoàn Văn C bà Lê Thị O đứng ra nhận trả cho anh T thì anh K mới đồng ý, sau đó ông C bà O có viết giấy cho mượn tiền ngày 15/6/2015 cho anh K với nội dung: “Vợ chồng ông C bà O có vay 100.000.000đồng và anh K đã nhận 10.000.000đồng, ông C bà O còn nợ 90.000.000đồng”. Lý do trong giấy mượn tiền ngày 15/6/2015 ghi số tiền 100.000.000đồng thực chất không có việc vay tiền mà làm giấy vay tiền để chốt số tiền còn nợ từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh K với anh T. Đất sang nhượng là của một mình anh K. Số tiền còn nợ 90.000.000đồng ông C bà O thỏa thuận tháng 02/2016 sẽ trả đủ cho anh K nhưng đến hẹn anh K đã đi đòi nhiều lần nhưng ông C bà O không trả và cố tình chống đối. Nay anh K khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ông Đoàn Văn C và bà Lê Thị O trả cho anh số tiền còn nợ là 90.000.000đồng từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh K với anh T. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/6/2015 giữa anh K và anh T, anh K không yêu cầu xem xét giải quyết mà chỉ yêu cầu về nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Đoàn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, căn cứ vào bản tự khai và lời khai ngày 07/3/2017 ông C trình bày: Vợ chồng ông C thực chất không vay tiền của anh K mà nội dung cụ thể như sau: Ngày 15/6/2015 anh K có sang nhượng lại diện tích đất khoảng 05 ha tại tiểu khu 174 khoảnh 3 của Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng cho em trai vợ ông là Trần Đức T với giá 170.000.000đồng. Khi sang nhượng đất giữa anh T với anh K có làm giấy tay. Sau đó anh T đã đặt cọc số tiền 30.000.000đồng trả tại nhà anh T và cản trở trước đây anh K nợ tiền nhiều lần của vợ chồng ông là 50.000.000đồng, còn nợ lại 90.000.000đồng. Do anh K không tin tưởng anh T nên vợ chồng ông đã đứng ra nhận nợ đối với số tiền 90.000.000đồng. Sau đó làm giấy mượn tiền ngày 15/6/2016 nhưng thực tế không mượn tiền mà chốt lại số tiền còn nợ 90.000.000đồng từ việc anh T mua đất anh K. Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 15/6/2016 là chữ ký của vợ chồng ông. Nội dung như giấy mượn tiền ngày 15/6/2015 là đúng. Số tiền 90.000.000đồng vợ chồng ông thỏa thuận trả cho anh K vào tháng 02/2016. Tuy nhiên đến ngày 02/5/2015 anh T bán ½ diện tích đất trên cho ông Hoàng Văn K số tiền 130.000.000đồng. Sau khi bán đất anh T đã trả cho anh K số tiền 90.000.000đồng nhưng không làm biên nhận về giao nhận tiền mà

làm giấy sang nhượng đất lại ghi ngày 17/6/2015 với nội dung “...Số tiền sang nhượng 120.000.000đồng và anh K đã nhận đủ tiền anh T....”.

Hiện nay anh K khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 90.000.000đồng còn nợ từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông không đồng ý vì anh T đã trả; ông không có yêu cầu gì đối với anh T và cũng không yêu cầu xem xét hình thức, nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T và anh K.

** Bị đơn bà Lê Thị O đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.* Tuy nhiên biên bản lấy lời khai của bà Oanh trình bày: Ngày 15/6/2015 anh K có chuyển nhượng đất cho anh T, anh T còn thiếu anh K tiền sang nhượng đất 90.000.000đồng. Do không tin tưởng anh T nên vợ chồng bà đã đứng ra nhận trả thay anh T số tiền còn nợ 90.000.000đồng. Bà và ông C có ký giấy nhận nợ theo đúng nội dung giấy mượn tiền ngày 15/6/2015, chữ ký trong giấy mượn tiền là do bà và ông C ký. Tuy nhiên việc giao dịch mua bán đất giữa anh K, anh T và ông C bà không biết. Khi làm giấy mượn tiền ông C kêu ký thì bà ký. Còn việc đã trả tiền 90.000.000đồng cho anh K hay chưa thì bà không biết. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tuy nhiên căn cứ bản lấy lời khai của anh T trình bày:* Bà O là chị họ con Dì của anh T. Đối với anh K có quen biết do chơi với nhau. Vào khoảng tháng 4/2015 anh T có nhận sang nhượng diện tích đất khoảng 05 ha tại tiểu khu 174 khoảnh 3 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ B của anh K với giá 170.000.000đồng nhưng trong giấy tờ ghi giá sang nhượng là 120.000.000đ hai bên không làm giấy sang nhượng mà có làm giấy cọc tiền với nội dung anh T trả cọc cho anh K số tiền 30.000.000đồng. Số tiền 30.000.000đồng này là của anh Tỉnh (Giấy cọc tiền do anh K viết, chỉ lập 01 bản anh T giữ) số tiền còn lại là 140.000.000đ khấu trừ số tiền anh K nợ anh Công 50.000.000đồng. Anh T còn nợ lại tiền sang nhượng đất là 90.000.000đ. Việc thỏa thuận giá sang nhượng, khấu trừ nợ là do anh Công thỏa thuận với anh K vì anh T nhờ ông C đứng ra đi hỏi mua đất dùm anh T nên anh không biết nhưng khi viết giấy sang nhượng thì anh T viết giấy sang nhượng với anh K và anh T là người nhận đất canh tác. Số tiền 90.000.000đồng anh T hẹn 01 năm sau sẽ trả tức tháng 4/2016. Do anh K không tin tưởng anh Tỉnh nên anh C chị O đã đứng ra nhận nợ, lúc này chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó anh C làm giấy nhận nợ với anh K, việc viết giấy nhận nợ giữa anh C chị O với anh K cụ thể thời gian nào anh không biết vì khi viết giấy mượn tiền giữa anh K, vợ chồng anh C không có mặt anh. Đến đầu tháng 5/2015 do anh T không làm được nên anh đã sang nhượng lại diện tích đất trên cho ông Hoàng Văn K giá 140.000.000đồng (hiện nay anh K ở xã B cụ thể địa chỉ anh không biết). Hai bên có làm giấy viết tay do anh K viết. Sau đó anh T có đưa số tiền 90.000.000đồng cho anh C để trả cho anh K, việc anh T đưa tiền cho anh C để trả cho K hai bên không làm giấy tờ gì vì anh em nên tin tưởng nhau. Việc anh C có trả tiền cho anh K hay không thì anh không biết và anh T cam đoan lời khai này là đúng sự thật. Lý do lời khai trước đây anh T khai: “...tháng 6/2015 anh T có nói với ông C gọi anh K lên để trả tiền còn nợ 90.000.000đồng. anh T đã trả cho anh K số tiền 90.000.000đồng

tại nhà anh Công. Lúc trả có anh K, anh T và vợ chồng anh Công. Ngoài ra không còn ai khác, trả tại nhà rẫy ông C. Khi trả tiền hai bên không là giấy tờ gì. Thời gian trả anh T không nhớ rõ chỉ nhớ khoảng tháng 6/2015...” mâu thuẫn với lời khai ngày 03/4/2017 là vì anh Tỉnh không nhớ chính xác. Nay anh K khởi kiện ông C bà O yêu cầu trả số tiền 90.000.000đồng còn nợ từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T với anh K là không cơ sở vì anh đã trả tiền cho ông C để trả cho anh K.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Đoàn Văn K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nộp thêm tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Anh K trình bày bổ sung: Đối với giấy sang nhượng đất ngày 17/6/2015 mà phía bị đơn ông C cung cấp là do anh K viết, chữ ký là của anh K nhưng viết nội dung “*số tiền sang nhượng 120.000.000đồng và anh K đã nhận đủ số tiền trên của anh T*” là vì hai bên thống nhất giữa anh K và anh T không liên quan gì đến nhau vì số tiền nợ 90.000.000đồng đã được ông C nhận trả thay anh T.

* Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân, hộ khẩu, 01 giấy cho mượn tiền đề 15/6/2015 (bản gốc).

* Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn giao nộp gồm: đơn có mất ngày 22/4/2015; 01 giấy sang nhượng đất ngày 17/6/2015; 01 giấy sang nhượng đất ngày 30/3/2014; 01 giấy sang nhượng đất ngày 02/5/2015 (tất cả đều photo); hợp đồng giao khoán số 29 ngày 31/12/2010 (photo).

* Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập gồm:

1. Lời khai của đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người liên quan;
2. Các tài liệu chứng cứ tố tụng khác kèm theo trong hồ sơ vụ án.
3. Biên bản lấy lời khai của Ông Đoàn Văn C ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện B
4. Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 21/2016 ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện B.

* *Những nội dung các bên đã thừa nhận:*

- Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận số tiền nợ 90.000.000đồng thực chất là anh Đoàn Đức T còn nợ từ việc nhận sang nhượng đất của anh K, không có việc ông C bà O vay tiền của anh K; Lý do vợ chồng ông C bà O ký nhận giấy mượn tiền là vì khi sang nhượng đất cho anh Tỉnh, anh Tỉnh còn nợ 90.000.000đồng do không tin tưởng anh Tỉnh nên ông C bà O nhận trả thay cho anh T.

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu xem xét về hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên.

* *Những nội dung các bên không thống nhất:*

- Nguyên đơn cho rằng bị đơn anh T, ông C bà O chưa trả tiền 90.000.000đồng.

- Bị đơn cho rằng: anh Tỉnh đã thanh toán số tiền trên cho anh K.

- Người liên quan anh Tỉnh cho rằng: anh không trực tiếp trả tiền cho anh C mà anh đã đưa cho anh C để anh C thanh toán số tiền còn nợ 90.000.000đồng cho anh K.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Đoàn Văn K khởi kiện vợ chồng Ông Đoàn Văn C, bà Lê Thị O; trú tại: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước để yêu cầu anh ông C bà O phải có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh số tiền 90.000.000đồng theo hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “ Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” cụ thể là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đoàn Văn K về việc buộc bị đơn Ông Đoàn Văn C bà Lê Thị O trả số tiền 90.000.000đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy cho mượn tiền ngày 15/6/2015 do phía nguyên đơn đã cung cấp và lời khai của các đương sự thừa nhận: Không có việc vợ chồng ông Đoàn Văn K bà Lê Thị O vay tiền 90.000.000đồng của anh Đoàn Văn K, lý do của việc viết giấy mượn tiền ngày 15/6/2015 là do vào ngày 17/6/2015 thì anh K sang nhượng diện tích đất khoảng 05 ha tại tiểu khu 174 khoảnh 3 của Ban quản lý rừng phòng hộ B cho anh Đoàn Đức T với số tiền 120.000.000đồng, anh T đã thanh toán cho anh K 30.000.000đồng, còn 90.000.000đồng chưa thanh toán. Do không tin tưởng anh T nên anh K mới yêu cầu vợ chồng ông C bà O viết giấy mượn tiền để thanh toán thay cho anh T số tiền 90.000.000đồng cho anh K. Ông C bà O thỏa thuận tháng 02/2016 sẽ thanh toán số tiền trên cho anh K, đến hạn không thanh toán nên anh K khởi kiện vợ chồng ông C bà O yêu cầu thanh toán số tiền 90.000.000đồng từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh K và anh T. Căn cứ vào giấy sang nhượng đất ngày 17/6/2015 thì “Anh K có sang nhượng cho anh T diện tích đất 04ha tại khoảnh 3 tiểu khu 174 thuộc lâm trường B với số tiền 120.000.000đồng, nay anh T đã nhận đủ tiền trên” về hình thức của hợp đồng sang nhượng không chứng thực theo quy định tại Điều 697 Bộ luật dân sự năm 2005 nên không đảm bảo theo quy định tại Điều 124, 167 của Bộ luật dân sự 2005. Điều 167 Bộ luật dân sự 2005 quy định “*Quyền sở hữu đối với bất động sản được đăng ký theo quy định bộ luật này và pháp luật về đăng ký bất động sản...*”. Về nội dung sang nhượng là diện tích đất tại tiểu khu 174 khoảnh 3 của Ban quản lý rừng

phòng hộ B nên diện tích đất này không được phép sang nhượng trừ trường hợp được sự đồng ý của Ban quản lý rừng phòng hộ B. Mặt khác theo hợp đồng giao khoán sử dụng đất số 29/2010 mà bị đơn ông C cung cấp thì ngày 31/12/2010 diện tích đất tại tiểu khu 174 khoảnh 3 của Ban quản lý rừng phòng hộ B được ban quản lý rừng phòng hộ B ký hợp đồng giao khoán với ông Phạm Xuân C. Do đó về nội dung hợp đồng vô hiệu tại thời điểm sang nhượng theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên quá trình làm việc tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã hướng dẫn giải thích số tiền 90.000.000đồng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hậu của hợp đồng vô hiệu nhưng đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ thanh toán và không yêu cầu xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó Tòa án không có cơ sở xem xét hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa các bên và cần tách giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Mặt khác căn cứ lời khai của anh Tỉnh thì khi làm giấy mượn tiền ngày 15/6/2015 giữa vợ chồng ông C bà Oanh và anh K không có mặt anh T. Tại thời điểm sang nhượng việc thỏa thuận ông C có nghĩa vụ thanh toán thay cho anh Tỉnh số tiền 90.000.000đồng từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh K chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó giữ nguyên đơn anh K và bị đơn ông C viết giấy mượn tiền về nội dung, thời gian viết anh không biết. Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý...”* và Điều 316 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định *“Việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự được thể hiện bằng văn bản và lời nói. Trong trường hợp pháp luật có quy định việc chuyển giao nghĩa vụ phải thể hiện bằng văn bản phải có công chứng hoặc chứng thực, đăng ký hoặc phải xin phép thì phải tuân theo các quy định đó”*. Ngoài ra hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh K và anh T vô hiệu tại thời điểm sang nhượng. Do đó việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ anh T sang vợ chồng ông C bà O là không hợp pháp. Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người liên quan anh T trình bày đã đưa tiền 90.000.000đồng cho ông C để thanh toán cho anh K cần tách ra giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 122, 124, 167, 315, 316, 697 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đoàn Văn K về việc buộc bị đơn ông Đoàn Văn C bà Lê Thị O thanh toán số tiền 90.000.000đồng từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[2] Về án phí: Buộc bị đơn anh Đoàn Văn K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền mà anh K đã nộp tạm ứng trước là 2.250.000đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0021138 ngày 01/3/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện B. Anh Đoàn Văn K còn phải nộp 2.250.000đồng.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Điều Thị Hạnh